

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

Trương Thị Hồng Nhung

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 603850

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2013

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi 09 giờ 00, ngày 29 tháng 05 năm 2013.

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	9
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	9
1.1. Quản lý thuế Giá trị gia tăng	9
1.1.1 Một số nhận thức về thuế Giá trị gia tăng	9
1.1.2 Khái niệm quản lý thuế Giá trị gia tăng	9
1.1.3 Các đặc điểm của hoạt động quản lý thuế Giá trị gia tăng	9
1.1.4 Sự cần thiết của hoạt động quản lý thuế Giá trị gia tăng	10
1.2. Pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng	10
1.2.1 Khái niệm pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng	11
1.2.2 Những nội dung cơ bản của pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng	11
CHƯƠNG 2	13
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	13
2.1. Thực trạng pháp luật về thủ tục hành chính thuế	13
2.1.1 Các quy định về đăng ký thuế GTGT	13
2.1.2 Các quy định về khai thuế GTGT.....	13
2.1.3 Các quy định về nộp thuế GTGT.....	14
2.1.4 Các quy định về hoàn thuế GTGT.....	15
2.1.5 Các quy định về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt.....	16
2.2. Thực trạng pháp luật về giám sát và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật quản lý thuế	17
2.2.1. Các quy định về quản lý thông tin người nộp thuế	17
2.2.2. Các quy định về kiểm tra, thanh tra thuế GTGT.....	17
2.2.3. Các quy định về xử lý vi phạm và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.....	17
2.2.4. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quản lý thuế GTGT	18

CHƯƠNG 3	20
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM.....	20
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam	20
3.2. Căn cứ để xác định giải pháp hoàn thiện pháp luật Quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam	21
3.2.1. <i>Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.....</i>	<i>21</i>
3.2.2. <i>Sự chi phối của nền Kinh tế thị trường Việt Nam</i>	<i>21</i>
3.2.3. <i>Kết quả nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm xây dựng, thực hiện pháp luật quản lý thuế ở nước ta và một số nước trên thế giới</i>	<i>21</i>
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam	22
3.3.1. <i>Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính thuế.....</i>	<i>22</i>
3.3.2. <i>Hoàn thiện pháp luật đảm bảo sự giám sát và tuân thủ pháp luật thuế</i>	<i>23</i>
3.4. Cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam	24
3.4.1. <i>Hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy quản lý thuế.....</i>	<i>24</i>
3.4.2. <i>Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thuế.....</i>	<i>25</i>
3.4.3. <i>Đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin nhằm tiến tới thực hiện quản lý thuế điện tử.....</i>	<i>25</i>
3.4.4. <i>Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế</i>	<i>25</i>
KẾT LUẬN.....	27

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế GTGT là một sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế hiện hành của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Thực tiễn áp dụng thuế GTGT ở nước ta trong hơn 15 năm qua đã cho thấy sự tác động lớn, nhiều mặt đến đời sống kinh tế, xã hội của thuế GTGT và khẳng định được sự đúng đắn trong việc áp dụng sắc thuế GTGT. Chính vì tầm quan trọng của sắc thuế này, việc đặt ra yêu cầu quản lý thuế GTGT trở nên hết sức cần thiết. Ở Việt Nam hiện nay, vấn đề quản lý thuế GTGT cũng như quản lý các sắc thuế khác được quy định trong một đạo luật về Quản lý thuế nói chung. Với nhiều quy định tiến bộ, Luật quản lý thuế 2006 bước đầu đã phát huy được hiệu quả thực thi hệ thống chính sách thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng của Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, pháp luật về quản lý thuế GTGT đã bộc lộ những bất cập nhất định như: Một số quy định không bảo đảm tính thống nhất hoặc chưa phù hợp, hoặc thiếu tính khả thi, hoặc chưa có quy định cụ thể, rõ ràng. Các thủ tục hành chính thuế còn phức tạp, trùng lặp và thiếu đồng bộ, chi phí tuân thủ pháp luật của người nộp thuế còn cao, ... Điều này đã gây khó khăn nhất định cho công tác quản lý thuế GTGT cũng như cho người nộp thuế.

Với những lý do trên đây, luận văn "*Pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng tại Việt Nam*" là vấn đề có tính cấp thiết cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn, cần được nghiên cứu một cách cơ bản và có hệ thống ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu luận văn

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố, có thể nêu một số công trình có liên quan đến vấn đề quản lý thuế GTGT, tuy nhiên chưa có một công trình nghiên cứu nào về pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam. Bởi vậy, tác giả cho rằng, công trình nghiên cứu ở cấp độ luận văn thạc sỹ về "*Pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng ở Việt Nam*" là cần thiết và có ý nghĩa thiết thực cả trên phương diện lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Qua luận văn “*Pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng ở Việt Nam*”, tác giả muốn tập trung phân tích thực trạng pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay, những ưu điểm, thành tựu đạt được cũng như những vướng mắc trên thực tế và chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc đó. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn để luận chứng khoa học cho việc xác định phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay. Những kiến nghị của luận văn hy vọng sẽ đem lại những kết quả thiết thực cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo một môi trường pháp lý phù hợp và tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế GTGT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

- Các quan điểm khoa học, các số liệu thực tiễn có liên quan đến điều chỉnh pháp luật đối với quan hệ quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng.

- Các quy định của pháp luật quản lý thuế GTGT hiện hành và một số quy định của pháp luật quản lý thuế GTGT trên thế giới.

- Các văn kiện của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế và hoàn thiện thể chế theo cơ chế thị trường định hướng XHCN liên quan đến quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng.

- Các văn bản của Bộ Tài chính, ngành thuế liên quan đến quản lý thuế.

- Kinh nghiệm của một số nước về quản lý thuế GTGT và pháp luật điều chỉnh quan hệ quản lý thuế GTGT.

3.3. Phạm vi nghiên cứu của Luận văn

Hiện nay, khái niệm quản lý thuế có thể hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa hẹp, quản lý thuế là “quản lý hành chính nhà nước về thuế, việc tổ chức, quản lý, điều hành quá trình thu nộp thuế, bao gồm các hoạt động mang tính chất hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, là hoạt động chấp hành

theo kế hoạch và trình tự nhất định được thực hiện bởi các cơ quan quản lý thuế”. Tùy thuộc vào mục đích của người nghiên cứu mà vấn đề quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng sẽ được tiếp cận ở những phạm vi khác nhau. Để phù hợp với mục đích của việc nghiên cứu, trong luận văn này, tác giả nghiên cứu vấn đề quản lý thuế GTGT theo nghĩa hẹp, đồng thời tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật quản lý thuế GTGT trong hệ thống pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành, từ khi có Luật quản lý thuế năm 2006.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Luận văn được thực hiện trên nền tảng phương pháp luận biện chứng duy vật và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. Để thực hiện luận văn này, tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể là: Phương pháp tiếp cận lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, thống kê để giải quyết nội dung khoa học của luận văn.

5. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn là chuyên khảo khoa học đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống về vấn đề quản lý thuế GTGT ở Việt Nam dưới góc độ pháp lý, vì vậy luận văn có một số điểm mới sau về mặt khoa học:

- Luận văn phân tích bản chất pháp lý của quản lý thuế GTGT, xây dựng khái niệm quản lý thuế GTGT.

- Luận văn đưa ra kết luận khoa học về thực trạng pháp luật quản lý thuế GTGT và thực tiễn áp dụng pháp luật quản lý thuế, kết luận về nguyên nhân của thực trạng để làm cơ sở cho việc xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay.

- Luận văn xác định những tư tưởng cơ bản để định hướng chung cho các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay.

- Luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay dựa trên các căn cứ khoa học và thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đây là công trình nghiên cứu có tính hệ thống, toàn diện về mặt pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần bổ sung và phát triển những vấn đề lý luận và hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế nói chung và pháp luật về quản lý thuế GTGT ở Việt Nam nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được trình bày với kết cấu gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật quản lý thuế giá trị gia tăng

Chương 2: Thực trạng pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1.1. Quản lý thuế Giá trị gia tăng

1.1.1 Một số nhận thức về thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT là một sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế hiện hành của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Theo Điều 2 Luật thuế GTGT Việt Nam năm 2008: “*Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng*”.

Thuế GTGT mang một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, Thuế GTGT là thuế gián thu đánh trên bình diện rộng, nghĩa là thuế GTGT không trực tiếp đánh vào thu nhập và tài sản của người nộp thuế mà đánh một cách gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa và dịch vụ. *Thứ hai*, thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ do vậy phương pháp tính thuế GTGT chủ yếu dựa trên phương pháp khấu trừ thuế. Nội dung cơ bản của phương pháp khấu trừ thuế là số thuế GTGT phải nộp được tính trên cơ sở số thuế GTGT đầu ra trừ đi số thuế GTGT đầu vào. *Thứ ba*, Thuế GTGT mang bản chất liên hoàn.

1.1.2 Khái niệm quản lý thuế Giá trị gia tăng

Quản lý thuế GTGT được hiểu là hoạt động của các cơ quan hành chính thuế từ trung ương đến địa phương, bao gồm các hoạt động tổ chức, chấp hành và điều hành các công việc liên quan đến quá trình thu, nộp thuế GTGT vào NSNN nhằm đạt được những mục tiêu nhất định.

Việc hiểu đúng bản chất của hoạt động quản lý thuế GTGT có ý nghĩa quan trọng trong việc thể chế hóa thành pháp luật những nội dung của hoạt động quản lý thuế, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch huy động nguồn thu cho NSNN hàng năm.

1.1.3 Các đặc điểm của hoạt động quản lý thuế Giá trị gia tăng

Hoạt động quản lý thuế GTGT với tính chất là một bộ phận của hoạt động quản lý thuế, vừa mang những đặc điểm của hoạt động quản lý thuế nói chung và mang những đặc điểm riêng nhất định của lĩnh vực quản lý chuyên ngành, cụ thể:

Thứ nhất, về bản chất quản lý thuế là một bộ phận của quản lý tài chính công. Vì vậy, quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng được tiến hành trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc quản lý tài chính công và quản lý nguồn thu của NSNN. Do thuế là khoản thu mang tính bắt buộc nên phương pháp quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng thường được sử dụng chủ yếu là phương pháp quản lý hành chính.

Thứ hai, về chủ thể trong quản lý thuế GTGT

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, là tài sản quốc gia để phục vụ lợi ích cho toàn xã hội. Vì thế, tham gia quản lý thuế đồng thời là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Thứ ba, quản lý thuế cần các công cụ và phương tiện khác nhau, trong đó chủ yếu và quan trọng nhất là công cụ pháp luật.

Thứ tư, quản lý thuế thuộc lĩnh vực quản lý có tính kỹ thuật phức tạp, mang tính chuyên môn cao.

Thứ năm, Chi phí quản lý hành chính thuế GTGT khá cao.

1.1.4 Sự cần thiết của hoạt động quản lý thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT là một sắc thuế tiến bộ, có nhiều ưu điểm so với các loại thuế khác. Sau hơn 16 năm triển khai thực hiện, pháp luật thuế GTGT đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Nguồn thu từ thuế GTGT là nguồn thu quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn các tồn tại tình trạng trốn thuế, làm giả hóa đơn chứng từ, gian lận hoàn thuế giá trị gia tăng, nợ đọng thuế, ... Xuất phát từ những lý do trên, việc đặt ra yêu cầu quản lý thuế GTGT là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp.

1.2. Pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng

1.2.1 *Khái niệm pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng*

Có thể hiểu pháp luật về quản lý thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý thuế của Nhà nước (quan hệ quản lý trong việc thu nộp thuế cho NSNN của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng nộp thuế và các đối tượng khác có liên quan).

Pháp luật về quản lý thuế GTGT với tư cách là một bộ phận của pháp luật quản lý thuế, là tổng hợp các quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động quản lý thuế GTGT của Nhà nước nhằm đảm bảo tập trung đầy đủ, đúng hạn nguồn thu từ thuế GTGT vào NSNN.

1.2.2 *Những nội dung cơ bản của pháp luật về quản lý thuế Giá trị gia tăng*

Pháp luật quản lý thuế GTGT bao gồm các nội dung chủ yếu sau: (i) pháp luật về thủ tục hành chính thuế bao gồm: quản lý việc đăng ký thuế, kê khai thuế, tổ chức thu nộp thuế, thực hiện hoàn thuế GTGT và (ii) pháp luật về giám sát, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật quản lý thuế, bao gồm pháp luật về quản lý thông tin người nộp thuế, pháp luật về thanh tra, kiểm tra thuế và xử lý vi phạm pháp luật thuế.

1.2.2.1 *Pháp luật về thủ tục hành chính thuế*

Pháp luật về thủ tục hành chính thuế bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật sau: Nhóm quy phạm pháp luật về đăng ký thuế GTGT; Nhóm quy phạm pháp luật về khai thuế GTGT; Nhóm quy phạm pháp luật về ấn định thuế GTGT; Nhóm quy phạm pháp luật về nộp thuế GTGT; Nhóm quy phạm pháp luật về hoàn thuế GTGT và Nhóm quy phạm pháp luật về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt.

1.2.2.2 *Pháp luật về giám sát và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật thuế Giá trị gia tăng*

Pháp luật về giám sát và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật thuế GTGT bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật sau: Nhóm quy phạm pháp luật về quản lý thông tin

người nộp thuế; Nhóm quy phạm pháp luật về kiểm tra, thanh tra thuế; Nhóm quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nhóm quy phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình quản lý thuế GTGT.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. Thực trạng pháp luật về thủ tục hành chính thuế

2.1.1 Các quy định về đăng ký thuế GTGT

Luật quản lý thuế 2006, Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 và gần đây nhất là Thông tư số 80/2012/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2012 (thay thế cho Thông tư số 85/2007/TT-BTC) hướng dẫn Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế đã quy định khá chi tiết, tạo thuận lợi và rút ngắn thời gian, giảm các khoản chi phí cho doanh nghiệp nộp thuế.

Tuy nhiên, một số quy định về đăng ký thuế, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế, cấp GCN Mã số thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế cũng chưa đầy đủ và thống nhất giữa Luật, Nghị định, Thông tư và không thống nhất giữa Luật quản lý thuế với các quy định mới về đăng ký doanh nghiệp của Luật doanh nghiệp đã dẫn đến sự lúng túng nhất định cho các doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký thuế, đồng thời làm cho pháp luật Quản lý thuế trở nên không rõ ràng, minh bạch. Thông tư số 80/2012/TT-BTC hướng dẫn luật quản lý thuế về đăng ký thuế ban hành ngày 22/5/2012, có hiệu lực từ 01/7/2012 thay thế cho Thông tư số 85/2007/TT-BTC đã giải quyết phần nào vướng mắc trên.

2.1.2 Các quy định về khai thuế GTGT

Nhìn chung, thủ tục về kê khai, tính thuế GTGT trong luật Quản lý thuế 2006 được đánh giá là khá đơn giản, thuận tiện hơn so với trước đây, đặc biệt là ở những nơi đã thực hiện khai thuế, khai hải quan điện tử. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm trên, các quy định về kê khai thuế đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc:

Thứ nhất, thiếu đồng bộ giữa quy định của Luật thuế GTGT, Luật Quản lý thuế, Nghị định 85/2007/NĐ-CP và Thông tư số 28/2011/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

Thứ hai, điều 31, 32, 33 Luật quản lý thuế 2006 chỉ quy định hồ sơ khai thuế theo tháng, khai thuế tạm tính theo quý đối với thuế TNDN, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần mà không có quy định hồ sơ khai thuế theo quý. Khắc phục nhược điểm này, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ban hành ngày 20/11/2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 (sau đây gọi tắt là Luật Quản lý thuế sửa đổi năm 2012) quy định tại mục 8, mục 9 Điều 1 bổ sung trường hợp khai thuế GTGT theo quý.

Thứ ba, khoản 4 Điều 33 Luật quản lý thuế 2006 quy định về thời gian giải quyết thủ tục gia hạn nộp hồ sơ khai thuế là 05 ngày làm việc. Quy định về thời gian này còn khá dài. Luật Quản lý thuế sửa đổi năm 2012 đã sửa đổi theo hướng phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 68/NQ-CP, giảm số ngày xuống còn 3 ngày.

2.1.3 Các quy định về nộp thuế GTGT

Pháp luật về nộp thuế quy định thời hạn nộp thuế gắn với thời hạn nộp hồ sơ khai thuế để vừa đảm bảo phù hợp với tính chất của từng loại thuế vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế dễ nhớ, dễ thực hiện và không phải làm các thủ tục hành chính thuế rải rác nhiều ngày trong tháng, giảm phiền hà cho người nộp thuế. Bên cạnh các ưu điểm trên, pháp luật về quản lý thuế còn một số hạn chế sau:

Thứ nhất, đồng tiền nộp thuế có thể bằng ngoại tệ theo quy định của chính phủ. Tuy nhiên, quy định về tỷ giá ngoại tệ trong pháp luật quản lý thuế chưa thống nhất, chưa cụ thể, rõ ràng.

Thứ hai, Luật quản lý thuế 2006 chưa có quy định về phân kỳ nộp tiền thuế đối với trường hợp người nộp thuế có số **nợ thuế** vượt quá khả năng nộp đủ tiền thuế một lần. Khắc phục nhược điểm này, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế quy định bổ sung Khoản 4 Điều 92 quy định cho phép người nộp thuế nộp dần tiền nợ thuế trong thời hạn không quá 12 tháng (với tiền lãi chậm nộp là 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp), trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng.

Thứ ba, về quy định Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, còn thiếu sự đồng bộ giữa quy định trong Nghị định số 102/2010/NĐ-CP với chương VI Luật Quản lý thuế.

Thứ tư, điều 47 Luật Quản lý thuế quy định việc xử lý số tiền thuế nộp thừa là chưa bao quát, chưa quy định cách thức xử lý trong trường hợp người nộp thuế có số tiền phạt, tiền chậm nộp thừa. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2010 của Chính phủ đưa ra phương án về việc sửa đổi, bổ sung tên thủ tục “Xử lý tiền thuế nộp thừa” thành tên “Xử lý tiền thuế, **tiền phạt** nộp thừa”. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế sửa đổi Điều 47 thành “Xử lý số tiền thuế, **tiền chậm nộp, tiền phạt** nộp thừa” để đáp ứng nội dung này

2.1.4 Các quy định về hoàn thuế GTGT

Pháp luật quản lý thuế đã quy định khá rõ ràng các trường hợp thuộc diện hoàn thuế, hồ sơ hoàn thuế đối với từng trường hợp và nơi nộp hồ sơ hoàn thuế là tại cơ quan quản lý trực tiếp hoặc tại cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế. Đồng thời, có khá nhiều quy định được xem là tiến bộ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, quy định của pháp luật về hoàn thuế cũng còn một số bất cập cần bàn:

Một là, về hồ sơ hoàn thuế. Khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý thuế quy định hồ sơ hoàn thuế đã làm tăng thêm thủ tục hành chính không cần thiết, đồng thời cũng không thực sự mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý của cơ quan thuế. Trong khi đó, theo quy định thủ tục hoàn thuế theo quy định tại chương VII Thông tư số 28/2011/TT-BTC đã không yêu cầu nộp chứng từ nộp thuế và quy định rõ hồ sơ hoàn thuế đối với từng trường hợp. Như vậy, quy định hồ sơ hoàn thuế tại Thông tư 28/2011/TT-BTC đơn giản hơn so với quy định của Luật Quản lý thuế, đồng thời phù hợp với việc cải cách thủ tục hành chính.

Hai là, vấn đề gian lận trong việc hoàn thuế GTGT.

Thực tiễn áp dụng thuế GTGT ở nước ta trong những năm qua cho thấy nạn hóa đơn giả đã phát triển đến mức báo động và được tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau. Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn bán

hàng hóa, cung ứng dịch vụ thay thế Nghị định số 89/2002/NĐ-CP đã trao quyền tự chủ cho các cơ sở kinh doanh bằng việc thay vì mua hóa đơn của cơ quan thuế, cơ sở kinh doanh được thành lập dưới hình thức là doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử (nếu đủ điều kiện) hoặc tự đặt in hóa đơn. Quy định này đã phần nào giải quyết được tình trạng gian lận hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy, khi Nhà nước thực hiện chính sách để các doanh nghiệp tự in hóa đơn chứng từ phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhưng các quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện vẫn chưa chặt chẽ vẫn sẽ là điều kiện để phát sinh những hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền hoàn thuế GTGT.

Ba là, đối với thủ tục hoàn thuế, có một số vấn đề còn chưa phù hợp sau:

Về hồ sơ hoàn thuế, theo đánh giá của Tổng cục thuế trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế GTGT nhiều năm qua cho thấy, việc ghi chép trên hóa đơn GTGT đầu vào của người nộp thuế thường mắc các lỗi làm không đủ điều kiện để khấu trừ như kê khai doanh thu, thuế GTGT đầu ra không đúng các kỳ phát sinh hoặc không thực hiện thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cho hàng chịu thuế chưa đúng dẫn đến xác định sai số thuế phải nộp, phải hoàn. Ngoài ra, với quy định về việc phải thanh toán qua ngân hàng mới được hoàn thuế GTGT mặc dù là một quy định tiến bộ nhưng vẫn còn gặp phải nhiều vướng mắc trong việc thực hiện.

Về thời hạn hoàn thuế, Điều 60 Luật quản lý thuế quy định thời hạn là 15 ngày đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau; 60 ngày đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Nghị quyết số 25/NQ-CP đặt ra yêu cầu: Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp “hoàn thuế trước, kiểm tra sau” từ 15 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc; trường hợp “kiểm tra trước, hoàn thuế sau” từ 60 ngày xuống còn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

2.1.5 Các quy định về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Quy định về các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt và hồ sơ xóa nợ tiền thuế, tiền phạt còn một số mâu thuẫn giữa Luật quản lý thuế với quy định tại Luật phá sản.

2.2. Thực trạng pháp luật về giám sát và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật quản lý thuế

2.2.1. Các quy định về quản lý thông tin người nộp thuế

Quy định về thông tin người nộp thuế tại Luật Quản lý thuế 2006 được xem là tiến bộ, tuy vậy hệ thống thông tin về người nộp thuế vẫn chưa được quy định rõ ràng và chưa quy định rõ cơ quan thuế được sử dụng thông tin thuế trong những lĩnh vực nào của hoạt động quản lý thuế.

2.2.2. Các quy định về kiểm tra, thanh tra thuế GTGT

Các quy định của Luật Quản lý thuế đã làm rõ một số nội dung sau: quy định những nguyên tắc cơ bản của việc kiểm tra, thanh tra thuế, có sự phân biệt giữa kiểm tra và thanh tra thuế, quy định tại các điều 77, 78 và 81 Luật quản lý thuế.

2.2.3. Các quy định về xử lý vi phạm và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

2.2.3.1. Về xử lý phạm thuế giá trị gia tăng

Luật quản lý thuế 2006 đã quy định khá rõ về các nội dung về xử phạt vi phạm pháp luật thuế nói chung và xử lý vi phạm pháp luật thuế GTGT nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, pháp luật xử lý vi phạm pháp luật thuế GTGT còn có những hạn chế cần xem xét.

Thứ nhất, chưa đảm bảo tính công bằng của pháp luật giữa các chủ thể người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế. *Thứ hai*, về chế tài xử phạt vi phạm pháp luật về thuế chưa hợp lý. *Thứ ba*, Luật Quản lý thuế thiếu quy định về thời hiệu xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

2.2.3.2. Về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế là một nội dung quan trọng trong các biện pháp mà cơ quan quản lý thuế áp dụng nhằm thu hồi tiền thuế, tiền

phạt của các đơn vị, cá nhân nợ NSNN. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, hiệu quả của công tác cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế chưa cao, chủ yếu là do pháp luật cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế còn có những quy định chưa phù hợp:

Thứ nhất, quy định về áp dụng biện pháp cưỡng chế thuế: 7 biện pháp cưỡng chế và phải thực hiện tuần tự từng biện pháp. Quy định này không đảm bảo tính khả thi, không linh hoạt.

Thứ hai, pháp luật quản lý thuế còn thiếu quy định chi tiết, cụ thể về các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Thứ ba, pháp luật quản lý thuế quy định cưỡng chế nợ thuế chưa bảo đảm tính khả thi

Luật quản lý thuế 2006 quy định 7 biện pháp cưỡng chế, chia làm hai nhóm chính: nhóm các biện pháp cưỡng chế về tài chính, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế và nhóm các biện pháp cưỡng chế liên quan đến thủ tục hành chính.

Nhìn một cách khái quát, các biện pháp cưỡng chế thuế này được xem là khá nghiêm khắc vì nó tác động trực tiếp đến tài sản cũng như quyền hoạt động kinh doanh của đối tượng bị cưỡng chế. Tuy nhiên, thực tế các quy định của pháp luật còn tồn tại nhiều vấn đề, khó triển khai thực hiện trên thực tế.

2.2.3.3. Thực tiễn xử lý vi phạm và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Công tác xử lý vi phạm và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bước đầu đã đạt được kết quả nhất định, có đóng góp đáng kể vào số thu NSNN. Các chỉ số nợ đọng thuế, nợ khó thu giảm rõ rệt trong những năm gần đây.

2.2.4. *Khiếu nại, tố cáo và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quản lý thuế GTGT*

Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể liên quan đến khiếu nại, tố cáo và giải quyết tranh chấp trong quản lý thuế. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy

pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật ở về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý thuế chưa được quan tâm đúng mức và người nộp thuế chưa được đảm bảo quyền lợi của mình.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam

Sau gần 6 năm thực hiện Luật quản lý thuế 2006, hệ thống pháp luật quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng đã có nhiều điểm tiến bộ, nhiều cải cách mang tính bước ngoặt, điển hình như việc áp dụng cơ chế tự khai tự nộp trong quản lý thuế.

Quá trình thực hiện Luật quản lý thuế ngoài kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, vướng mắc nhất định. Nhiều quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, chưa chặt chẽ và đồng bộ. Các vướng mắc phát sinh ở nhiều khâu trong quy trình quản lý thuế (đăng ký, khai thuế, tính thuế, nộp thuế, hoàn thuế, kiểm tra, thanh tra thuế, ấn định thuế, khoán thuế...); thiếu các quy định bảo đảm hiệu lực thực hiện, thiếu biện pháp chế tài cần thiết, dẫn đến việc thực hiện không nghiêm minh. Một số nội dung được quy định tại Luật Quản lý thuế chưa đáp ứng được mục tiêu cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, chưa đáp ứng được mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả; chưa phù hợp với các văn bản có tính liên quan khác.

Cùng với những thay đổi phát triển của kinh tế xã hội, đã làm nảy sinh một số vấn đề mới trong quản lý thuế nhưng pháp luật quản lý thuế hiện hành còn thiếu các quy định điều chỉnh hoặc quy định còn chưa cụ thể, chưa phù hợp, chưa theo kịp với thực tế cuộc sống. Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, quá trình quốc tế hóa và tự do thương mại, đầu tư sẽ tác động mạnh đến nền kinh tế nước ta. Điều này đòi hỏi công tác quản lý thuế của Việt Nam phải được nâng tầm về thẩm quyền, kỹ năng, biện pháp quản lý để đáp ứng và thích nghi với các thông lệ, thực tiễn của kinh doanh và quản lý quốc tế.

3.2. Căn cứ để xác định giải pháp hoàn thiện pháp luật Quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam

Một số căn cứ để xác định giải pháp hoàn thiện pháp luật Quản lý thuế như:

3.2.1. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay

Pháp luật nói chung và pháp luật quản lý thuế nói riêng là sự thể chế hóa, cụ thể hóa, và là công cụ đưa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Bởi vậy, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng là kim chỉ nam cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế nói chung và pháp luật về quản lý thuế GTGT nói riêng. Các quan điểm về xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong nền kinh tế thị trường ở nước ta được ghi trong nhiều các văn kiện của Đảng. Đặc biệt được xác định rõ trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020.

3.2.2. Sự chi phối của nền Kinh tế thị trường Việt Nam

Hoàn thiện pháp luật quản lý thuế nói chung và pháp luật quản lý thuế GTGT nói riêng luôn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội cụ thể, khi định ra các giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật quản lý thuế phải dựa vào những đặc điểm hình thành, phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, chỉ có như vậy pháp luật quản lý thuế mới đảm bảo được tính phù hợp, tính khả thi trong thực tiễn.

3.2.3. Kết quả nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm xây dựng, thực hiện pháp luật quản lý thuế ở nước ta và một số nước trên thế giới

Kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới, khoa học pháp lý nước ta đã có bước phát triển và càng ngày càng có những đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Trong lĩnh vực thuế GTGT, từ khi Nhà nước thực hiện công cuộc cải cách hệ thống thuế, việc nghiên cứu để xây dựng và hoàn thiện hệ thống thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở nước ta đã được quan tâm rất lớn. Những kết quả

nghiên cứu khoa học pháp lý và kinh nghiệm xây dựng và hoàn thiện pháp luật thuế GTGT ở nước ta trong hơn hai mươi năm qua cho phép chúng ta nhìn nhận một cách khách quan thực trạng hệ thống pháp luật thuế GTGT hiện hành để đề ra những giải pháp đúng đắn, thiết thực cho việc hoàn thiện pháp luật thuế GTGT ở nước ta trong thời gian tới.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam

3.3.1. Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính thuế

3.3.1.1. Về khai thuế giá trị gia tăng

Quy định tại khoản 8 điều 10 Thông tư 28/2011/TT-BTC hướng dẫn đại lý bán đúng giá của bên giao đại lý, hưởng hoa hồng của dịch vụ bưu chính, viễn thông, đại lý bán vé sô số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa tàu thủy, đại lý vận tải quốc tế, đại lý dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, đại lý bảo hiểm thì không phải khai thuế GTGT đối với doanh thu hàng hoá dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng. Quy định này thiếu tính thống nhất và đồng bộ với các quy định của Luật quản lý thuế và Luật thuế GTGT. Do vậy, tác giả kiến nghị bỏ quy định về doanh thu hoa hồng được hưởng ở phần hướng dẫn tại Khoản 8 Điều 10 Thông tư số 28/2011/TT-BTC.

3.3.1.2. Về Nộp thuế giá trị gia tăng

Cần sửa đổi, bổ sung quy định về tỷ giá tại Điều 43, Luật Quản lý thuế. Như đã phân tích tại Mục 2.1.3. Chương 2 Luận văn, pháp luật chưa có sự thống nhất trong quy định về tỷ giá giữa các văn bản pháp luật về quản lý thuế, Luật thuế GTGT và văn bản pháp luật về tài chính khác. Để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, cần sửa quy định về tỷ giá quy đổi ngoại tệ khi kê khai, tính thuế, thống nhất hạch toán theo một loại tỷ giá. Luật Quản lý thuế sửa đổi, bổ sung năm 2012 chưa đề cập đến vấn đề này.

3.3.1.3. Về hoàn thuế giá trị gia tăng

Để chống gian lận trong hoàn thuế GTGT, phải thực hiện nhiều biện pháp mang tính đồng bộ. Việc đầu tiên cần làm là nâng cao ý thức của người bán hàng, người mua hàng trong quản lý, sử dụng hoá đơn, tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích về chính sách thuế, về các quy định trong quản lý, sử dụng hoá đơn. Ngoài ra, cần sửa đổi bổ sung một số điểm chưa hợp lý trong cơ chế quản lý có liên quan đến hoá đơn.

3.3.1.4. Về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Sửa đổi Khoản 1 Điều 65 theo hướng Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản khi tài sản của Doanh nghiệp không thanh toán được hoặc không thanh toán hết các khoản nợ (bao gồm các khoản nợ không bảo đảm và nợ thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt) thì áp dụng cơ chế xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt mà Doanh nghiệp đó phải nộp.

3.3.2. Hoàn thiện pháp luật đảm bảo sự giám sát và tuân thủ pháp luật thuế

3.3.2.1. Về quản lý thông tin người nộp thuế

Để đáp ứng được các mục tiêu nêu trên, hệ thống thông tin về người nộp thuế phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hệ thống thông tin về người nộp thuế phải rõ ràng, đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế
- Thông tin người nộp thuế phải đảm bảo tính chính xác, trung thực
- Thông tin người nộp thuế phải đảm bảo tính kịp thời
- Thông tin người nộp thuế phải được phân loại theo những cấp độ khác nhau để có cách thức khai thác quản lý phù hợp

3.3.2.2. Về xử lý vi phạm pháp luật thuế

Cần sửa đổi, bổ sung quy định về xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền thuế được quy định trong Luật Quản lý thuế và Nghị định số 98/2007/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế có hiệu lực ngày 01/7/2007.

3.3.2.3. Về quản lý nợ thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

Cần phải nâng cao tính pháp lý trong các quy định về quản lý nợ thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, tăng cường kỉ cương trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế, có những chế tài nghiêm khắc đối với các chủ thể cố tình chây ì nộp thuế, nộp phạt ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN. Cần sửa đổi bổ sung một số quy định hiện hành để nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý thuế như sau:

- Bổ sung và quy định chi tiết về các biện pháp thu nợ gián tiếp.
- Bổ sung các quy định về việc áp dụng tuân tự các biện pháp cưỡng chế mà Luật quy định.
- Quy định rõ dấu hiệu để xác định người nợ tiền thuế, tiền phạt có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn. Bên cạnh đó cũng cần phải quy định đầy đủ hơn về cơ sở pháp lý cho một số biện pháp cưỡng chế để đảm bảo hiệu quả áp dụng trên thực tế, đặc biệt quy định về thu tiền, tài sản của đối tượng nộp thuế do người thứ ba nắm giữ và quy định về thu hồi mã số thuế.
- Cần luật hóa để bổ sung thêm các trường hợp được gia hạn nộp thuế đã được quy định trong Nghị định 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 vào Điều 49 Luật Quản lý thuế để bảo đảm tính bao quát, cụ thể, rõ ràng của Luật.

3.4. Cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam

3.4.1. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy quản lý thuế

Phần lớn các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy quản lý thuế không được quy định trong luật quản lý thuế mà quy định ở những văn bản dưới luật do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành. Đây có thể coi là một nhược điểm của pháp luật quản lý thuế ở nước ta. Theo tác giả, Luật quản lý thuế cần bổ sung một số quy định có tính nguyên tắc trong tổ chức bộ máy quản lý thuế, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành. Nếu Luật Quản lý thuế được sửa đổi theo hướng trên sẽ đảm bảo tính bao quát, toàn diện các yếu tố trong quản lý thuế.

Ngoài ra, có thể thành lập mới một số cơ quan ở cấp Tổng cục và cấp cục như cơ quan điều tra thuế (tương tự cơ quan điều tra, chống buôn lậu của cơ quan Hải quan) để và giao quyền điều tra hình sự các vụ án về thuế cho cơ quan thuế.

3.4.2. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thuế

Để thực hiện tốt công tác quản lý thuế GTGT với cơ chế tự khai tự nộp đặt ra yêu cầu tổ chức bộ máy quản lý thuế phải hoàn thiện, đồng thời trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý thuế phải được nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc. Nhằm đạt được yêu cầu trên, cần thực hiện một số cải cách, cụ thể như sau:

Một là, Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý, rà soát, đánh giá qui định về chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận tại cơ quan thuế, từ đó bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ; phân cấp, phân quyền theo chức năng cho từng bộ phận nhằm đạt hiệu quả cao nhất, tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ. *Hai là*, phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thuế. *Ba là*, phải có cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng, đội ngũ chuyên gia giỏi và nguồn nhân lực dồi dào phục vụ cho yêu cầu hiện đại hoá công tác quản lý của ngành.

3.4.3. Đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin nhằm tiến tới thực hiện quản lý thuế điện tử

Quá trình hội nhập sâu rộng nền kinh tế quốc tế kéo theo sự xuất hiện đồng đảo của các nhà đầu tư nước ngoài đòi hỏi chúng ta phải có kế hoạch điều chỉnh cơ chế quản lý nhanh, gọn, hiện đại, phù hợp với xu thế của thế giới. Hiện đại hóa công tác quản lý thuế được xác định là mục tiêu quan trọng.

3.4.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền cần được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện giáo dục pháp luật thuế trong nhà trường, tăng cường các chương

trình giải trí có lòng ghép các nội dung phổ biến luật thuế để người dân hiểu và ý thức được nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu pháp luật về quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay có thể rút ra một số kết luận sau:

Thực tiễn cho thấy vấn đề quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay là một vấn đề có tầm quan trọng và tính cấp thiết. Với mong muốn góp phần đưa ra những luận cứ để xây dựng và hoàn thiện pháp luật quản lý thuế Giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thu thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay, luận văn đã khái quát hoá các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật quản lý thuế GTGT, luận văn đã xây dựng khái niệm quản lý thuế GTGT. Luận văn đưa ra kết luận khoa học về thực trạng pháp luật quản lý thuế GTGT và thực tiễn áp dụng pháp luật quản lý thuế, kết luận về nguyên nhân của thực trạng để làm cơ sở cho việc xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực trạng pháp luật về quản lý thuế GTGT ở nước ta trong giai đoạn vừa qua, tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam và các cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam hiện nay nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng nộp thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ vào nguồn ngân sách nhà nước, tạo động lực phát triển cho nền kinh tế. Những kiến nghị của luận văn hy vọng sẽ đem lại những kết quả thiết thực cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo một môi trường pháp lý phù hợp và tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế GTGT. Trên cơ sở kết hợp đó, luận văn hy vọng sẽ đóng góp một phần vào việc thực hiện thắng lợi các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng đây là vấn đề còn mới và phức tạp nên luận văn khó tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong các thầy cô giáo đóng góp ý kiến để luận văn được hoàn thiện hơn và có thể đóng góp tốt hơn vào lĩnh vực nghiên cứu này./